

# GIA TÀI VĂN CHƯƠNG CỦA THIỆU TRỊ QUA ĐẠI NAM THỰC LỤC

*Nguyễn Thị Huyền Trang<sup>1</sup>*

## **Tóm tắt**

*Thiệu Trị là vị vua thứ ba của triều Nguyễn. Cuộc đời tuy ngắn ngủi nhưng ông đã tạo lập được một sự nghiệp văn chương đồ sộ về số lượng, đa dạng về nội dung, phong phú về hình thức thể loại và cao cấp về mặt chữ nghĩa. Nhiều nhà nghiên cứu đặc biệt là các nhà ngôn ngữ học như Nguyễn Tân Phong, Nguyễn Tài Căn đã có những nghiên cứu về nghệ thuật dùng chữ trong sáng tác của Thiệu Trị. Tuy nhiên phần lớn tác phẩm của ông chưa được dịch ra tiếng Việt, đây là rào cản lớn đối với việc phổ biến rộng rãi đến bạn đọc những đóng góp của ông trong lĩnh vực văn học và ngôn ngữ. Chính vì thế trong nội dung bài viết này chúng tôi muốn giới thiệu các cuốn thi, văn tập nhằm đem đến hình dung sơ khởi về gia tài văn chương của Thiệu Trị và những đóng góp của ông về mặt ngôn ngữ và thi pháp.*

**Từ khóa:** *Thiệu Trị, vua làm thơ, văn chương, nghệ thuật, ngôn ngữ thơ*

Trong lịch sử văn học trung đại, hoàng đế làm thơ là một hiện tượng rất phổ biến, thậm chí “làm thơ là một khía cạnh nghệ thuật cai trị của các hoàng đế” (chữ dùng của PGS.TS Trần Nho Thìn). Ngay từ thế kỷ XI, một số vua nhà Lý đã mở đầu cho trường phái văn chương hoàng phái như Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông, Lý Nhân Tông. Truyền thống đó được các vua nhà Trần, nhà Lê, nhà Nguyễn tiếp nối với các tác giả tiêu biểu như vua Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Lê Thánh Tông, Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức. Thiệu Trị (1807-1847), vị vua thứ ba của triều Nguyễn cũng nằm trong dòng chảy đó, ông là một mắt xích - một mắt xích quan trọng vì vị hoàng đế này không chỉ đóng góp nhiều mặt trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục mà còn góp thêm một màu sắc cho văn chương hoàng tộc nói riêng và văn chương Việt Nam nói chung.

Tuy nhiên, cho đến nay sự nghiệp văn học của ông vẫn chưa được giới thiệu rộng rãi. Ngoại trừ một vài nghiên cứu nghệ thuật

---

<sup>1</sup> Thạc sĩ, Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM

dùng chữ trong bài thơ *Vũ trung sơn* của Nguyễn Tân Phong, Nguyễn Tài Cần và công trình *Thần Kinh nhị thập cảnh* (1998), Thiệu Trị hầu như vắng bóng hoặc được nhắc đến rất thoáng qua trong các công trình văn học sử, trong các chuyên luận, biên khảo, từ điển, trong các buổi thảo luận về văn học hoàng phái,... Để độc giả hiểu hơn về những đóng góp to lớn của tác giả trong lĩnh vực văn học, có cái nhìn hoàn chỉnh, trọn vẹn hơn về cả hệ văn học hoàng phái nói chung và văn học Việt Nam nói riêng, chúng tôi xin giới thiệu tới bạn đọc những cuốn thi, văn tập của Thiệu Trị, được các sử quan triều Nguyễn biên chép trong *Đại Nam thực lục* nhằm đem đến một hình dung sơ khởi về gia tài văn chương của ông.

Là một vị vua, lớn lên trong nền giáo dục Nho gia, lại được vua cha Minh Mệnh dạy dỗ, rèn luyện tư chất, chăm lo chính sự, thương yêu nhân dân nên việc làm văn chương đối với ông như là một món ăn tinh thần để “nói rõ chí hướng, cốt đào luyện tính tình cho người ta”<sup>2</sup>, rèn giũa nhân cách của mình, “khi nào nhân thì nhân sự vật mà ngâm thơ để ngụ ý mình”. Thiệu Trị không câu nệ làm văn để so hơn kém với văn nhân nghệ sĩ, việc sáng tác đối với ông rất tự nhiên: “thơ văn làm ra đều là những bài chăm chính sự, yêu nhân dân, xét lúc tạnh, tính lúc mưa, hoặc ra xúc cảnh nên thơ, làm ra những lời ngâm vịnh”. Ông cũng tự nhận cái hồn cốt của văn chương mình: “Kính thiên, pháp thổ, cần chính, ái dân”<sup>3</sup> (Kính trời, bắt chước ông cha, chăm lo chính sự, thương yêu dân). Đó là bốn điều mà ông khắc cốt ghi tâm, “ngày đêm chăm chỉ, sớm chiều lo sợ cũng chỉ là bốn việc ấy”. Cuộc đời tuy ngắn ngủi nhưng với tâm niệm làm việc hết mình, vua Thiệu Trị đã tạo lập được một sự nghiệp văn chương đầy giá trị bên cạnh sự nghiệp của một vị vua. Trong chùng mực nào đó, có thể nói, sự nghiệp văn chương của ông có phần tỏa sáng hơn sự nghiệp chính trị. Dưới đây, theo sự biên chép của các sử quan triều Nguyễn trong cuốn *Đại Nam thực lục*, chúng tôi liệt kê các tác phẩm của ông nhằm bước đầu phác họa gia tài văn chương của vị thi vương Thiệu Trị.

Trong *Đại Nam thực lục* phần *Dục Anh Tông hoàng đế thực lục*, *Chính biên*, *Đệ tam kỷ* viết về sự nghiệp văn chương của Thiệu Trị: “Ngự chế ra hai tập văn, bốn tập thơ, lại có những tập *Ngự đề đồ họa*,

<sup>2</sup> Quốc Sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 6, NXB Giáo dục, tr.285.

<sup>3</sup> Quốc Sử quán triều Nguyễn (2007), *Sách đã dẫn*, tập 6, tr.769.

*Sử luận, Hoàng huấn, Bắc tuần, Võ công, Cổ kim thể cách, Tài thành phụ tướng, Lịch đại đế vương*, không đầy 6, 7 năm, mà làm xong 14 bộ sách. Ngoài tập *Chỉ thiện đường thi văn hội tập* làm ra khi còn ở tiềm đê, có 16 quyển nữa<sup>4</sup>. Như vậy, theo *Dục Anh Tông hoàng đế thực lục, Chính biên, Đệ tam kỷ* thì Thiệu Trị có 14 bộ sách và 16 quyển khi ở tiềm đê. Sau khi xem xét ở *Hiển Chương hoàng đế thực lục, Chính biên, Đệ nhị kỷ* chúng tôi nhận thấy rằng vua Thiệu Trị còn có thêm một tập nữa, đó là *Minh Lương hỷ khởi tập*.

## 1. Về thơ

Thơ của ông được đánh giá cao trong giới học thuật, “tuy số lượng không nhiều bằng vua cha nhưng lại cao cấp về mặt chữ nghĩa” (Chữ dùng của Trần Ngọc Vương). Cùng quan điểm đó, dịch giả Lê Nguyễn Lưu cũng nghĩ rằng, thơ của vua Thiệu Trị còn hơn vua Minh Mệnh và Tự Đức về mặt nghệ thuật. Ví dụ, trong tập *Ngự chế cổ cách thi pháp* với 157 bài, nhà thơ đã sử dụng nhiều hình thức chơi chữ khác nhau rất trí tuệ. Hay chỉ với một bài thơ chữ Hán “Vũ Trung sơn thủy” (Non nước trong mưa) mà theo tác giả, nếu dùng theo thể hồi văn liên hoàn, trắc bằng 4 vần, bài thơ có thể đọc thành 64 bài thất ngôn, ngũ ngôn. Bài thơ đã gây sự tò mò chú ý không chỉ các nhà nghiên cứu trong nước mà còn ở nước ngoài, không chỉ về nghệ thuật mà còn cả về nội dung. Theo *Đại Nam thực lục*, riêng về thơ, nhà vua để lại 10 cuốn sách, trong đó có cả sáng tác và thi luật.

1 - *Thơ ngự chế, tập đầu*: Tập thơ được khắc in vào tháng hai năm 1843, tập hợp những bài thơ ngự chế của ông về thể cổ, thể kim, gồm thơ 13 quyển, mục lục 3 quyển, cộng 16 quyển. Đa phần các bài thơ này được sáng tác từ năm Thiệu Trị thứ hai về trước.

2 - *Thơ ngự chế, tập hai*: Trong *Đại Nam thực lục* có đoạn viết: “Trước kia, ta đi tuần sang phía đông, nơi cương vực ngoài biển, đường đi qua sông Phổ Lợi, trông thấy dòng nước trong sáng, nhuần thấm các đồng ruộng màu mỡ, thực là lợi cho dân ta muôn nghìn đời, nhớ lại Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, mưu lược rộng lớn, lo tính sâu xa, phòng thủ ngoài biển, coi trọng nghề nông, không việc gì là không chu đáo,... Ta rất cảm mộ, có làm một bài thơ để ghi nhớ công việc ấy. Chuẩn cho bộ công khắc vào đá, dựng bia, để tỏ dấu cũ

<sup>4</sup> Quốc Sử quán triều Nguyễn (2007), *Sách đã dẫn*, tập 6, tr.101.

thần thánh ở chỗ không cùng và để lại cho đời sau biết (xem tập *Nhị, thơ Ngự chế*)<sup>5</sup>. Đến Thiệu Trị năm thứ 3, tháng năm lại chép: “Nhân đưa ra: một bài thơ “Cười hoa cúc”, một bài thơ “Lễ đông hưởng”, sáu bài thơ “Ở nơi yên tĩnh” (Xem trong hai tập thơ *Ngự chế*) sai thị thần tuyên đọc”<sup>6</sup>. Căn cứ vào những ghi chép đó chúng tôi tin cho rằng *Thơ ngự chế, nhị tập* được khắc in trước năm 1843.

3 - *Thơ ngự chế, tập 3*.

4 - *Thơ ngự chế, tập 4*.

Cả hai tập đều được “khắc in xong”<sup>7</sup> vào năm Tự Đức thứ nhất.

5 - *Minh Lương hỷ khởi tập*: Vào năm 1843, Thiệu Trị nhân việc ngự điện Văn Minh, bàn về thơ văn của nhà Đường mà tiêu biểu là Đường Minh Hoàng, Đường Văn Hoàng, ông thấy thơ văn của họ phần lớn không có ý nghĩa bằng việc thơ văn của ông và các quan thường ngày họa vãn với nhau. Vì vậy, ông ra sắc lệnh cho các quan Nội Các tập hợp các bài thơ ấy, lần lượt cho chép lại, lấy nhan đề sách là *Minh Lương Hỷ khởi tập*.

6 - *Ngự chế Bắc tuần thi pháp tập*: Đôi khi còn gọi là *Thánh chế Bắc tuần thi tập* hay *Bắc tuần thi tập*. Tập thơ có 173 bài thơ, được viết từ đầu năm 1842 đến tháng 4 năm ấy, nhân chuyến ngự giá ra Hà Nội để làm lễ thọ phong. Tập thơ là cảm xúc của nhà thơ trước những danh lam thắng cảnh cũng như cuộc sống của người dân ở những nơi mà ông đi qua. *Bắc tuần thi tập* được khắc xong vào tháng 5 năm 1844.

7 - *Ngự đề đồ hội thi tập*: Tập thơ được biên tập xong vào tháng 4, năm 1844 và được hoàn thành vào tháng 5 năm 1845. Lúc đầu có tên là *Tập thơ ngự chế có vẽ đồ họa*, sau khi khắc xong được tác giả đổi thành *Ngự đề đồ hội thi tập*. Đây là tập thơ được quan đứng đầu Nội các lúc bấy giờ là đại thần Phạm Thế Hiển tuyển chọn trong “tập đầu, tập thứ hai, các bài thơ ngự chế”<sup>8</sup>, “những nơi danh thắng cổ tích, thời tiết nhân vật, chia ra từng loại để biên soạn, đều vẽ đồ phụ vào; rồi lại chiếu bài vịnh trong các loại, tùy loại biên chép, tuân theo bút

<sup>5</sup> Quốc Sử quán triều Nguyễn (2007), *Sách đã dẫn*, tập 5, tr.508.

<sup>6</sup> Quốc Sử quán triều Nguyễn (2007), *Sách đã dẫn*, tập 5, tr.542.

<sup>7</sup> Quốc Sử quán triều Nguyễn (2007), *Sách đã dẫn*, tập 5, tr.86.

<sup>8</sup> Quốc Sử quán triều Nguyễn (2007), *Sách đã dẫn*, tập 5, tr.606.

pháp ngự viết ra”<sup>9</sup>. Sách làm xong tổng cộng 14 quyển và 2 quyển mục lục. Theo Thiệu Trị “đồ là dọc, thư là ngang, một dọc một ngang cùng xen nhau thành vẻ đẹp, đồ là động vật, thư là thực vật, một động một thực cùng nhau dựa thành bức tranh. Đồ rất giản ước, thư rất rộng rãi, tìm ở đồ thì dễ, tìm ở thư thì khó. Đòi cổ học có cốt yếu, đề đồ ở bên tả, đề thư ở bên hữu. Tìm tượng ở đồ, tìm lý ở thư. Đồ thư dùng đã lâu đời rồi. Vậy chuẩn y lời tâu xin là *Ngự đề đồ hội thi tập*”<sup>10</sup>.

Theo các tác giả cuốn *Thần Kinh nhị thập cảnh* thì tập thơ này ít nhất gồm ba phần. Phần một *Ngự đề danh thắng đồ hội thi tập* (từ quyển một đến quyển tám), tập hợp những bài thơ miêu tả phong cảnh trữ tình, thơ mộng cũng như các thắng tích ở Huế. Phần hai *Ngự đề cổ tích đồ hội thi tập* (từ quyển chín đến quyển 10), tuyển tập những bài thơ đề tích truyện thời các vua cổ Trung Quốc như Nghiêu, Thuán, Hạ, Vũ, Hán, Đường. Phần ba *Ngự đề nhân vật đồ hội thi tập*, từ quyển 13 đến quyển 4, gồm những bài thơ vịnh về tứ dân (ngư, tiều, canh, độc); các loài hoa cỏ, cây cối, các giống thú vật.

8 - *Ngự chế cổ kim thể cách thi pháp tập*: Tập thơ gồm hơn 157 bài với hơn 70 thể, được biên tập và hoàn thành trong năm cuối đời của nhà thơ Thiệu Trị. Trong khi giảng giải về thi pháp thơ ca cho quần thần, Thiệu Trị đã yêu cầu các quan xét rõ ngay trong tập thơ ngự chế, những bài nào được sáng tác theo thể cách các đời xưa và nay, tập hợp lại theo thứ tự trước sau rồi khắc in. Cuốn sách được làm ra nhằm mục đích giúp cho sĩ phu, quan lại yêu văn chương hiểu rõ hơn các thể cách từ cổ đến kim. Vì vậy, đây là cuốn sách không chỉ chứng tỏ sự hiểu biết uyên thâm của Thiệu Trị đối với thi pháp mà còn thấy được tài năng của ông trong việc vận dụng các thi pháp để sáng tác một cách linh hoạt, sáng tạo. Ngự chế cổ kim thể cách thi pháp tập đôi khi còn được gọi là Ngự chế hay là Cổ kim thể cách thi pháp.

9 - *Tài thành Phụ tướng, Tiên thiên Hậu thiên*: Nhân việc “có người làm các bài thơ để xem bói rút thẻ, thường ở trước chỗ thờ thần, xóc ống thẻ, thấy đầu thẻ thò lên thì rút ra. Vua trông thấy, mỉm cười rằng: “Bói toán có thần là vì không nghĩ ngại gì, không làm gì. Xóc ống thẻ mà thẻ vọt ra, là có sức người ở đó rồi. Đã có sức người thì không thiêng liêng, làm sao cho thông suốt những cơ vi màu nhiệm

<sup>9</sup> Quốc Sử quán triều Nguyễn (2007), *Sách đã dẫn*, tập 5, tr.606.

<sup>10</sup> Quốc Sử quán triều Nguyễn (2007), *Sách đã dẫn*, tập 5, tr.606-608.

được?”. Bèn chế ra hai quả thiên cầu, chữ đỏ, chữ trắng đều một quả, trên quả cầu khắc 10 can và 5 thường (tức ngũ thường: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) và năm phương, cộng hai mươi chữ, để yên trong cái hộp. Nhân chuyện này mà ngoài giờ coi việc, đêm ngự điện Đông Các, ông cố gắng lần lượt làm các bài thơ về Kinh Dịch. Sai quan ở Nội các là các quan Nguyễn Cửu Trường, Vũ Phạm Khải viết ra, được 200 bài thơ, chia làm hai quyển, gọi là *Tiên thiên*, *Hậu thiên*, đều 100 chương, định làm phép xem bói toán “có việc thì đặt hương án, bung cái hộp để quả thiên cầu, mặt đảo ba lần, rồi mở hộp ra xem, những chữ đỏ, chữ trắng ứng thế nào, thì lấy cái chỗ thuộc vào thiên nào chương nào mà xem; suy can chi làm quẻ biến đi, lại thành 400 quẻ để mà chiêm chước”<sup>11</sup>. Vua bảo các quan Nội các rằng: “Ta làm các bài thơ này, xuất tự nhiên, chưa từng có tìm ý tứ, các người đã thân thấy đó. Nếu tất phải cầu kỳ một câu khéo, một chữ lạ, thì đều do người làm ra, không gọi là thần được. Người xem bói nếu có sẵn lòng thành để cầu, có thành thì có thần, muôn lần cầu thì muôn lần ứng, đừng cho là thơ nói phiếm, chỉ sợ đoán không rõ mà thôi. Sách chép thơ ấy làm xong, nhan đề là: “*Ngự chế Tài thành Phụ tướng, Tiên thiên, Hậu thiên thi tập*”<sup>12</sup>. Đến tháng 9 năm 1847, sai thuộc viên Nội các, mang ngự chế tập Vũ công, cùng tập *Cổ kim thể cách thi pháp* và tập thơ *Tài thành Phụ tướng, Tiên thiên và Hậu thiên* giao cho hai tỉnh Nam Định, Sơn Tây đem khắc bản in: ở Nam Định thì do Đặng Văn Thiêm đôn đốc công việc, ở Sơn Tây thì do Nguyễn Đăng Giai đôn đốc công việc. Nhưng chưa xong thì nhà vua mất, đến Tự Đức năm thứ nhất thì khắc xong. Tập thơ này có khi còn chép là *Phụ tướng Tài thành Tiên thiên Hậu thiên*.

10 - *Hoàng huân*: Vua thường nhân lúc rỗi việc, phỏng theo cổ thể Kinh Thi, làm ra thơ đặt tên là *Hoàng huân cửu thiên*. Tuyển tập có 9 thiên là *Cao minh*, *Bác hậu*, *Sùng tuy*, *Trung lương*, *Từ ái*, *Hiếu để*, *Tạo đoan*, *Hữu vu*, *Chỉ tín*, sai đường quan và thuộc viên Nội các là bọn Nguyễn Bá Nghi, Tôn Thất Hợp, Nguyễn Cửu Trường, Vũ Phạm Khải, Mai Anh Tuấn, Nguyễn Văn Siêu và Thân Văn Nhiếp chú giải biên tập. Ý nghĩa của tập thơ theo tác giả là “trời cao, đất dày, che chở mọi sinh vật; tam cương ngũ thường, giữ tính thường muôn đức. Chín thiên này làm ra, ta sẽ ban cho các giảng đường để tu tiến thêm. Các người nên

<sup>11</sup> Quốc Sử quán triều Nguyễn (2007), *Sách đã dẫn*, tập 5, tr.1067.

<sup>12</sup> Quốc Sử quán triều Nguyễn (2007), *Sách đã dẫn*, tập 5, tr.1051.

theo phép chú giảng kinh, lần lượt giảng giải từng chữ; từng câu, cốt để phát minh chỗ quy thú, mà không mất bản chỉ, để hợp với ý ta”<sup>13</sup>. Đến khi Hoàng huấn được làm xong, nhà vua yêu cầu ban cho các giảng đường để nho sĩ làm tài liệu tu tiến thêm. Đây là tập thơ mang tính giáo huấn, ảnh hưởng từ tư tưởng của Nho giáo.

## 2. Về văn

11 - Văn vua làm, tập đầu.

12 - Văn vua làm, tập hai.

Trong *Đại Nam thực lục*, phần *Hiển Chương hoàng đế thực lục*, Chính biên, Đề nghị kỷ, tháng 6 năm 1846 viết “Tập đầu văn vua làm đã khắc xong. Thưởng cho những người làm việc [khắc in sách] 500 quan tiền”<sup>14</sup>. Trong khi đó ở phần *Đệ tam kỷ* về vua Tự Đức lại chép “các tập thi văn ngự chế đã khắc xong (văn hai tập, thơ tập thứ 3, thứ 4, hai tập, *Hoàng huấn* 9 thiên, thơ Vũ công, thơ vịnh đế vương các đời, thể cách và phép làm thơ đời xưa đời nay, thơ tài thành phụ tướng)”<sup>15</sup>. Ngoài ra, trong *Đại Nam thực lục* không có thêm bất cứ ghi chép nào nữa về hai tập văn này. Hiện chúng tôi chưa rõ thực hư thế nào, xin chép lại cả hai để người sau dễ tra cứu.

## 3. Văn và thơ chung tuyển tập

13 - *Chỉ thiện đường thi văn hội tập*: Đôi khi còn được chép là *Thi văn hội tập*, *Chỉ thiện tập*, *Chỉ thiện đường*. Hiện nay chúng tôi chưa tìm thấy tài liệu nào nói về thời gian in ấn, xuất bản tập này, chỉ biết rằng sau khi lên ngôi nhà thơ đã cho kiểm tra và xem xét lại. Đến tháng 5 năm 1845, Viện cơ mật, tòa Nội các đã dâng tập thơ sau khi kiểm tra cho vua xem. Các sử quan triều Nguyễn cho rằng đây “là tập thơ nhà vua làm khi còn ở cung riêng chưa lên ngôi”, gồm “16 quyển”. Theo nhóm tác giả *Thần kinh nhị thập* cảnh thì “trong tập này có cả văn xuôi của vua nữa cho nên mới đặt là *Thi văn hội tập*”.

14 - *Ngự chế vũ công thi tập*, đôi khi gọi là *Vũ công*. Tuyển tập được các quan ở Viện Cơ mật và tòa Nội các biên tập xong vào tháng

<sup>13</sup> Quốc Sử quán triều Nguyễn (2007), *Sách đã dẫn*, tập 5, tr.1066.

<sup>14</sup> Quốc Sử quán triều Nguyễn (2007), *Sách đã dẫn*, tập 5, tr.864.

<sup>15</sup> Quốc Sử quán triều Nguyễn (2007), *Sách đã dẫn*, tập 6, tr.86.

Tám năm 1847. Sau khi các quan biên tập xong, nhà vua bắt đầu cho khắc in vào tháng Chín năm 1847 và khắc xong vào năm Tự Đức thứ nhất. *Ngự chế vũ công thi tập* là tập hợp các bài thơ ngự chế, từ năm 1841 đến giữa năm 1847, gồm: 129 bài thơ, có nội dung liên quan đến phương lược bình định Xiêm La, Chân Lạp và 12 bài thơ nói về phương lược dẹp bình giặc núi, giặc biển và giặc thổ, được biên tập thành một quyển. Ngoài ra tuyển tập còn có 12 chương về cách bài minh, được biên ra thành 7 quyển. Cộng với hai quyển mục lục, tất cả tuyển tập có tổng cộng là 10 quyển, lấy nhan đề là *Ngự chế vũ công thi tập*.

#### 4. Các thể loại khác

15 - *Thiệu Trị văn quy*: Sách do Trần Xuân Thực, Vũ Duy Quang biên tập. Vào năm Thiệu Trị thứ năm (1845), cuộc sống trong kinh ngoài trấn yên ổn, văn phong rất thịnh, con em các nhà không ai là không đi học, tiếng đàn tiếng hát khắp cả thôn quê, vì vậy nhà vua đã quan tâm đến tài học của con em. Ngày thường, nhà vua thường đọc các sách về văn quy “từ *Vận tập* nhà Ngụy, *Ngọc thiên tứ thanh phá* nhà Lương, *Vận toàn quế uyển châu tùng*, *Thiết vận*, *Vận anh* nhà Tùy, *Vận hải kinh nguyên*, *Vận phá bác nhĩ* nhà Đường, *Quảng vận*, *Vận loại thiên* nhà Tống, *Cổ kim vận lược*, *Vận phủ quần ngọc* nhà Nguyên, *Chính vận*, *Ngũ xa vận thủy* nhà Minh, nói nhau ra đời đến “*Bội văn vận phủ* nhà Thanh”<sup>16</sup>. Nhưng đến khi xét trong *Tự điển* thì các bộ sách phần nhiều còn thiếu sót. Nhân lúc nước nhà nhàn rỗi, phong nhã rất thịnh, phong trào học của văn sĩ phát triển rất thịnh, ông liền sai quan khảo cứu so sánh *Vận thư* các đời, tham khảo *Tự điển*, tìm những chỗ sai lầm, thiếu sót trong *Bội văn vận phủ*<sup>17</sup>, chưa rõ trên giấy, thì sửa lại chỗ lầm, bổ sung thêm những chữ thiếu, để cho từng nghĩa, từng âm, từng vần rõ ràng và đặt tên là “*Thiệu Trị văn quy tự vận hội tập*”.

Đến tháng 3 năm 1845, sau khi thúc giục quan Nội các biên tập *Thiệu Trị văn quy tự vận hội tập*, nhưng vì đây là cuốn sách rất lớn đòi hỏi công phu khảo cứu, hiệu đính nên phải đến năm Tự Đức thứ nhất

<sup>16</sup> Quốc Sử quán triều Nguyễn (2007), *Sách đã dẫn*, tập 5, tr.882.

<sup>17</sup> *Bội văn vận phủ* đôi khi còn gọi là *Vận phủ*, *Khang Hy vận phủ* là bộ sách về thi pháp lớn nhất ở Trung Quốc kể từ đời nhà Thanh trở về trước. Cuốn sách “tổng cộng 106 quyển, 18.000 tờ”.



mới được hoàn thành. Cuốn sách lúc đầu có tên là *Thiệu Trị văn quy tự vận hội tập*, về sau theo Thiệu Trị, *Văn quy* đã mang ý nghĩa bao quát cả về chữ và văn, nên bỏ đi bốn chữ *tự vận hội tập*, cuối cùng “cuốn sách có tên là *Thiệu Trị văn quy*”.

16 - *Ngự chế lịch đại tổng luận*. , in xong vào tháng bảy năm 1847. Nhà vua nhân lúc rỗi rãi, mở sách ra đọc và tìm tòi về những phép trị đạo của các đời, chợt nhớ lại những sử sách ông được học trong khi chưa lên ngôi, liền trích lấy những đại cương, viết thành các bài luận, đặt nhan đề là *Ngự chế lịch đại tổng luận*, có nơi chép là *Lịch đại tổng luận*. Sách in xong, nhà vua yêu cầu phát cho các trường học và các hoàng thân, hoàng tử, hoàng tôn.

Ngoài ra, Thiệu Trị còn làm câu đối, và một số thể loại khác nhưng ở trong *Đại Nam thực lục* chỉ chép tản mạn.

Với 16 tập sách, có thể phần nào thấy được sự chuyên chú, say mê của Thiệu Trị đối với văn chương. Qua các sáng tác của mình, ông thể hiện tài thơ thiên phú, cách làm văn chau chuốt, cho thấy tài nghệ sử dụng ngôn từ điêu luyện. Thơ văn Thiệu Trị thể hiện nỗi lòng với nước với dân, nói lên niềm kính trọng của ông đối với vua cha Minh Mạng, cũng là nơi gửi gắm lời huấn dạy đối với con cái, quần thần của mình. Văn chương Thiệu Trị cho thấy một tâm hồn nhạy cảm, dễ xúc động, gần gũi với nhân dân và niềm yêu mến thiên nhiên bất tận.

## **Kết luận**

Văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến nửa cuối thế kỷ XIX đã tạo ra một bước phát triển vượt bậc về số lượng với sự xuất hiện của những tài năng đích thực như: Đặng Trần Côn, Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Văn Siêu, Tùng Thiện Vương,... Văn chương Thiệu Trị xét cả về chất và lượng không thua kém gì những bậc tao nhân mặc khách này, thậm chí ở một vài phương diện, tài thơ của ông còn vượt trội so với nhiều tác giả được người đời công nhận. Nhưng cho đến nay, Thiệu Trị và tác phẩm của ông vẫn ở trong tình trạng “vô tri bất mộ” (không biết nên chằng mấy mền chuộng). Điều này khiến cho ông và tác phẩm của ông chưa có được vị trí xứng đáng trong lịch sử văn học nước nhà.

Nghiên cứu về Thiệu Trị là việc làm quan trọng trong bối cảnh văn hóa như bây giờ. Các tác phẩm của ông cần được dịch và giới thiệu đối với đông đảo bạn đọc, trước tiên để thấy được sức làm việc kì diệu của ông, sau đó thấy được vai trò vị trí của ông trong dòng văn học hoàng phái nói riêng và trong lịch sử văn học Việt Nam nói chung.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Thuận An, 1997. *Thần kinh nhị thập cảnh: Thơ vua Thiệu Trị*, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế - NXB Thuận Hóa, Huế.
2. Nguyễn Tài Cẩn, 1998. *Tìm hiểu kỹ xảo hồi văn liên hoàn trong bài “Vũ Trung sơn thủy” của Thiệu Trị*, NXB Thuận Hóa, Huế.
3. Nguyễn Tài Cẩn, 2001. *Một số chứng tích về ngôn ngữ, văn tự và văn hóa*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc Tộc, 1995. *Nguyễn Phúc Tộc thế phả*, NXB Thuận Hóa, Huế.
5. Trần Nghĩa, Prof. François Gros, 1993. *Di sản Hán Nôm Việt Nam: Thư mục đề yếu*, Tập 1, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
6. Trần Nghĩa, Prof. François Gros, 1993. *Di sản Hán Nôm Việt Nam: Thư mục đề yếu*, Tập 2, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
7. Trần Nghĩa - Prof. François Gros, 1993. *Di sản Hán Nôm Việt Nam: Thư mục đề yếu*, Tập 3, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
8. Nhóm tác giả, 2008. *Triều Nguyễn và lịch sử chúng ta*, Tạp chí Xưa và nay, NXB Văn hóa Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Nguyễn Tân Phong, 1994. *Về hai bài thơ hồi văn kiêu liên hoàn của vua Thiệu Trị*, NXB Thuận Hóa, Huế.
10. Quốc Sử quán triều Nguyễn - Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Sử học, 2007. *Đại Nam thực lục*, Tập 5, NXB Giáo dục.
11. Quốc Sử quán triều Nguyễn - Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Sử học, 2007. *Đại Nam thực lục*, Tập 6, NXB Giáo dục.

(Bài đã đăng trong *Tuyển tập việt Nam học*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2013, tr.515)